TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 14-11-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thận
2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Mai Thị Thanh Tâm – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 277/2018/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2018/QĐXX - ST ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Huỳnh Thị Thùy Tr; sinh năm 1988
HKTT: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
Hiện trú tại: Tổ 8, Kp. 3, Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương
- *Bị đơn:* Nguyễn Thanh L; sinh năm 1981
HKTT: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2018 và trong bản tự khai ngày 04/8/2018 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Thanh L tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 02/01/2006. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ tháng 12 năm 2015 thì anh L thường xuyên đi không về nhà, không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình. Hiện nay, chị Tr cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc gia đình không có. Vì vậy, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Tr và anh L có 03 người con chung họ tên là Nguyễn Huỳnh Khánh B, sinh ngày 24/7/2009, Nguyễn Huỳnh Hoài B, sinh ngày 24/7/2009 và Nguyễn Chấn H, sinh ngày 07/6/2011. Sau khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng nuôi cả 03 người con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng mặt tại phiên tòa*. Quá trình xác minh hiện nay anh L có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. anh L thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn
- Về con chung: Giao 03 cháu cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn nộp:

- Bản gốc đăng ký kết hôn của UBND xã Đ ngày 02/01/2006; bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, bản sao sổ tạm trú, 03 bản sao giấy khai sinh, bản phô tô biên bản tạm giữ làm việc về việc anh L có đi về địa phương. Ngoài ra, chị Tr không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Thanh L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản sao giấy chứng

nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2006 đã được chị Tr giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Thanh L là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị Tr trong quá trình chung sống giữa chị Tr và anh L có nhiều mâu thuẫn, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên vắng nhà không lo làm ăn chăm sóc gia đình. Đối với anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh anh L có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Anh L thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Căn cứ vào tài liệu biên bản tạm giữ ngày 30/8/2018 nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì vào ngày 09/7/2018 Công an xã Đ có cấp sổ hộ khẩu cho anh Nguyễn Thanh L thể hiện anh L có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, xem như anh L tự mình từ bỏ quyền chứng minh của mình trong vụ án. Từ những phân tích trên xác định mâu thuẫn gia đình là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

[2] Về con chung: chị Tr và anh L có 03 con chung là Nguyễn Huỳnh Khánh B, sinh ngày 24/7/2009, Nguyễn Huỳnh Hoài B, sinh ngày 24/7/2009 và Nguyễn Chấn H, sinh ngày 07/6/2011. Xét thấy, các cháu Khánh B và Hoài B là con gái, cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ là cần thiết. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án cũng không giử văn bản thể hiện ý kiến của minh. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao các cháu Khánh Băng, Hoài Băng, Chấn Hưng cho chị Tr nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Tr phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thùy Tr về việc ly hôn. Chị Huỳnh Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

[2] Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Huỳnh Khánh B, sinh ngày 24/7/2009, Nguyễn Huỳnh Hoài B, sinh ngày 24/7/2009 và Nguyễn Chấn H, sinh ngày 07/6/2011 cho chị Huỳnh Thị Thùy Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy Tr phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022162 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh